

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠNG GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 9 - 2020

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thiêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Minh Thiết

2. Ông Giáp Đức Sơn

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện LG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LG tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hiên - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LG tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 188/2020/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2020/QĐ-HNGĐ ngày 14/9/2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1991

Địa chỉ: Xóm L, xã X, huyện LG, tỉnh BG

(Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1991 - *Vắng mặt*

Địa chỉ: Xóm L, xã X, huyện LG, tỉnh BG

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị V trình bày:* Chị và anh Nguyễn Văn Q đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã X, huyện LG, tỉnh BG vào ngày 26/02/2020. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau và được gia đình 2 bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, chị về nhà anh Q làm dâu ngay. Ngay sau khi kết hôn về nhà anh Q làm dâu thì chị thấy cuộc sống không hạnh phúc, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, anh Q hay mắng chửi chị và có lần dùng bạo lực với chị. Gia đình 2 bên nội ngoại đã hòa giải nhưng không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Chị

bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 4 năm 2020, không sống cùng anh Q nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn Q trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án, triệu tập các phiên họp hòa giải và công khai chứng cứ nhưng anh Q không đến Tòa án làm việc, không có quan điểm gì về việc giải quyết vụ án.

Tại Biên bản xác minh ngày 12/8/2020 của Tòa án với bà Trịnh Thị Giới là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn Q, bà Giới cho biết: Bà là mẹ đẻ của anh Q. Hiện nay anh Q đang sinh sống cùng gia đình bà nhưng anh Q đi làm từ sáng đến tối mới về. Chị V là con dâu của bà, được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi cưới chị V về sinh sống cùng gia đình bà. Quá trình chung sống, chị V và anh Q nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng về tính cách, lối sống và đôi lúc xảy ra cãi cọ và có lần vợ chồng anh Q chị V xảy ra xô xát. Gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần, tuy nhiên vợ chồng anh Q chị V không hòa hợp được. Nay chị V khởi kiện xin ly hôn anh Q thì gia đình bà đồng ý để chị V và anh Q ly hôn, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật. Anh Q và chị V chưa có con chung.

Cũng tại Biên bản xác minh ngày 12/8/2020 của Tòa án với đại diện chính quyền xóm L, xã X, huyện LG cho biết: Chị V và anh Q mới đăng ký kết hôn và tổ chức lễ cưới vào đầu năm 2020. Tuy nhiên, quá trình chung sống sau khi kết hôn thì anh Q và chị V có xảy ra mâu thuẫn, xô xát nhưng nguyên nhân vì sao địa phương không nắm được. Vợ chồng anh Q chị V chưa có con chung. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

* Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không hòa giải được do chị V có đơn xin từ chối hòa giải.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần 2 không có lý do. Hội đồng xét xử công bố các lời khai, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LG phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX) và Thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự như vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và vắng mặt tại các phiên tòa. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX:

Cho chị V được ly hôn anh Q; Vợ chồng không có con chung nên không giải quyết; Về tài sản chung, công nợ chung: không có, đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét; Về án phí: Chị V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Ngoài ra kiểm sát viên đề nghị HĐXX xem xét về quyền kháng cáo của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Xét yêu cầu khởi kiện của chị V thì thấy đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện LG theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị V và anh Q đăng ký kết hôn ngày 26/02/2020 tại UBND xã X, huyện LG, tỉnh BG trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, qua xác minh với gia đình anh Q và chính quyền địa phương thì thấy cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về tính cách, lối sống và đôi lúc xảy ra cãi cọ và xảy ra xô xát, chị V xác định không còn tình cảm vợ chồng, bản thân anh Q không đến Tòa án làm việc, hiện nay vợ chồng đã ly thân. Do đó, có đủ cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để xử cho chị V được ly hôn anh Q.

[3]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị V xác định không có con chung, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị V xác định không có tài sản chung, công nợ chung, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị V phải chịu án phí dân sự ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35; Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 235; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V được ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị V đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0002370 ngày 08/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện LG. Xác nhận chị V đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Chị V, anh Q vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Minh Thiết + Giáp Đức Sơn

Vũ Thị Thiêm